

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **10/2018/KDTM-PT**

Ngày: 19-9-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 20/8/2018 và ngày 19/9/2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2018/TLPT-KDTM ngày 05/7/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐXXPT-KDTM ngày 03/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại HT.

Địa chỉ trụ sở: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đình Tr- Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty - Có mặt

Bị đơn: Công ty cổ phần NN.

Địa chỉ trụ sở: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trí M - Giám đốc Công ty- Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn B - Nguyên Giám đốc Công ty cổ phần NN- Có mặt.

Địa chỉ: Đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp TM.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Ch - Giám đốc công ty - Vắng mặt (ông Ch từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2016 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT (sau đây gọi tắt là Công ty HT) trình bày: Đầu tháng 4/2012, Công ty cổ phần NN (sau đây gọi tắt là Công ty NN) mượn Công ty HT 80.000.000 đồng để trả lương cho công nhân và hẹn một tháng sẽ trả. Ngày 24/5/2012, Công ty NN viết phiếu thu tiền Công ty HT 80.000.000 đồng với nội dung: Thu tiền kiến thiết khai thác tận dụng gỗ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TM (sau đây gọi tắt là Công ty TM) theo hợp đồng số: 08/2012 được ký kết giữa Công ty TM và Công ty NN, Công ty HT nộp tiền thay cho Công ty TM. Công ty HT không đồng ý với nội dung phiếu thu tiền của Công ty NN và yêu cầu trả số tiền đã mượn nhưng Công ty NN chưa trả.

Ngày 18/10/2014, Công ty HT và Công ty NN ký kết hợp đồng kinh tế số: 20/2014/HĐKT với nội dung: Công ty NN lập hồ sơ khảo sát, thiết kế, lập dự toán khai hoang cho Công ty HT 688,72ha đất tại Tiểu khu 119 thuộc xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, để Công ty HT trồng cây Cao Su và chăn nuôi bò. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 18/10/2014 đến ngày 30/12/2014, giá trị hợp đồng là 180.444.640 đồng. Hai bên thỏa thuận, sau khi hợp đồng được ký kết Công ty HT chuyển tiền thanh toán cho Công ty NN 100.000.000 đồng; số tiền 80.000.000 đồng còn lại được khấu trừ vào 80.000.000 đồng mà Công ty NN đã mượn Công ty HT.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty HT đã thanh toán cho Công ty NN 180.000.000 đồng nhưng Công ty NN không giao cho Công ty HT hồ sơ khảo sát, thiết kế, dự toán khai hoang theo hợp đồng. Vì vậy, ngày 20/5/2016, Công ty HT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty NN trả lại cho Công ty HT 180.000.000 đồng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, ngày 29/8/2016 tại trụ sở TAND thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty HT và Công ty NN ký biên bản thỏa thuận với nhau: Công ty NN có trách nhiệm bàn giao cho Công ty HT 10 bộ hồ sơ thiết kế, dự toán khai hoang theo hợp đồng trước ngày 30/8/2016 và hoàn trả cho Công ty HT 50.000.000 đồng trước ngày 20/9/2016. Đối với số tiền 80.000.000 đồng còn lại, hai bên sẽ giải quyết bằng một vụ việc khác.

Sau khi hai bên ký biên bản thỏa thuận, Công ty HT rút đơn khởi kiện, để Công ty NN tự nguyện trả lại số tiền đã nhận của Công ty HT nhưng Công ty NN chỉ hoàn trả 50.000.000 đồng; số tiền còn lại 80.000.000 đồng, Công ty NN vẫn chưa trả lại cho Công ty HT. Vì vậy, Công ty HT khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty NN trả lại cho Công ty HT 80.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty NN trình bày:

Ngày 24/5/2012, Công ty NN và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp TM (sau đây gọi tắt là Công ty TM) ký kết hợp đồng kinh tế số: 08/2012/HĐKT với nội dung: Công ty NN nhận thiết kế khai thác tận thu, tận dụng gỗ cho Công ty TM với diện tích 688,72ha tại tiểu khu 119, thuộc xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị hợp đồng là 160.950.000 đồng. Ông Hoàng Đình Tr là Giám đốc Công ty HT yêu cầu ký hợp đồng, nên ông Tr đã chi tiền tạm ứng cho Công ty NN 80.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng. Vì vậy, Công ty NN viết phiếu thu tiền ông Tr là người nộp tiền thay cho Công ty TM. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty NN đã lập hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng gỗ cho Công ty TM theo hợp đồng. Vì vậy, Công ty NN không đồng ý trả lại cho Công ty HT 80.000.000 đồng đã nhận.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn B trình bày: Vào thời điểm tháng 4/2012, ông là Giám đốc Công ty NN. Ngày 24/5/2012, ông Hoàng Đình Tr là Giám đốc Công ty HT đến gặp ông yêu cầu Công ty NN ký hợp đồng với Công ty TM về việc khai thác, tận dụng gỗ cho Công ty TM tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nên Công ty NN đã ký hợp đồng số: 08/2012/HĐKT với Công ty TM. Sau khi hợp đồng được ký kết, ông Tr nộp thay cho Công ty TM 80.000.000 đồng tiền tạm ứng để thực hiện hợp đồng; đến tháng 9/2012, ông Tr yêu cầu Công ty NN viết phiếu thu tiền, nên Công ty đã viết thu ông Tr 80.000.000 đồng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TM trình bày: Trong năm 2012, Công ty TM không ký hợp đồng với Công ty NN về việc lập hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng gỗ; Công ty TM cũng không nhờ ông Hoàng Đình Tr đến Công ty NN đặt vấn đề để ký hợp đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST, ngày 03/4/2018 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, đã áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 229, Điều 235, Điều 266, Điều 227 BLTTDS; điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 429, Điều 157 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 305, khoản 4 Điều 474 BLDS năm 2005; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT.

Buộc Công ty cổ phần NN phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT 80.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 9.120.000 đồng. Tổng cộng 89.120.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm trả tiền, trong giai đoạn thi hành án; quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 24/4/2018, bị đơn là Công ty NN có đơn kháng cáo với lý do: Công ty NN không mượn tiền, không nợ tiền Công ty HT, đề Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Ngày 24/5/2012, Công ty NN nhận của Công ty HT 80.000.000 đồng; Công ty NN cho rằng ông Hoàng Đình Tr - Giám đốc Công ty HT, là người nộp thay cho Công ty TM, vì giữa Công ty NN và Công ty TM ký hợp đồng kinh tế số: 08/2012/HĐKT ngày 24/5/2012 nhưng Công ty TM không thừa nhận nhờ ông Tr nộp tiền thay; Công ty TM cũng không ký vào hợp đồng kinh tế số: 08/2012/HĐKT. Công ty NN nhận 80.000.000 đồng của Công ty HT nhưng không thực hiện công việc gì cho Công ty HT. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty NN phải trả lại cho Công ty HT 80.000.000 đồng đã nhận và lãi suất chậm trả tiền là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty NN, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty NN, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 24/5/2012, ông Hoàng Đình Tr - Giám đốc Công ty HT, giao cho Công ty NN 80.000.000 đồng với thỏa thuận Công ty NN sau đó sẽ đàm phán và ký hợp đồng với Công ty TM về việc lập hồ sơ thiết kế khai thác tận dụng gỗ cho Công ty TM.

Sau khi nhận 80.000.000 đồng của Công ty HT, Công ty NN lập không hợp đồng kinh tế số: 08/2012/HĐKT ngày 24/5/2012 với nội dung: Công ty NN lập hồ sơ thiết kế khai thác tận thu, tận dụng gỗ cho Công ty TM, tại tiểu khu 119 thuộc xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giá trị hợp đồng là 160.950.000 đồng. Về điều kiện thanh toán: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty TM ứng trước cho Công ty NN 80.000.000 đồng Công ty NN 80.000.000 đồng. (Hợp đồng này không được Công ty TM ký kết)

Cũng trong ngày 24/5/2012, Công ty NN lập phiếu thu với nội dung: Thu của Công ty TM Công ty NN 80.000.000 đồng theo hợp đồng số: 08/2012/HĐKT, ông Hoàng Đình Tr là người nộp thay cho Công ty TM.

Đến ngày 18/9/2012, Công ty NN phát hành hóa đơn giá trị gia tăng với nội dung: Thu của Công ty TM 80.000.000 đồng theo hợp đồng số: 08/2012/HĐKT;

ông Hoàng Đình Tr ký vào mục người mua hàng với tư cách là người nhận thay hóa đơn cho Công ty TM.

Sau khi lập khống hợp đồng số: 08/2012/HĐKT và phát hành phiếu thu tiền, hóa đơn thu tiền Công ty TM, Công ty NN không ký kết được hợp đồng với Công ty TM về việc lập hồ sơ thiết kế khai thác tận thu, tận dụng gỗ cho Công ty TM tại tiểu khu 119, vì UBND tỉnh Đắk Lắk và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk không đồng ý cho Công ty TM khai thác tận dụng gỗ tại tiểu khu 119.

Đến ngày 18/10/2014, Công ty NN và Công ty HT ký hợp đồng kinh tế số: 20/2014/HĐKT với nội dung: Công ty HT thuê Công ty NN lập hồ sơ khảo sát, thiết kế và lập dự toán cho Công ty HT, khai hoang 688,72ha tại tiểu khu 119, thuộc xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giá trị hợp đồng là 180.445.000 đồng.

Do Công ty NN không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, nên ngày 20/5/2016, Công ty HT khởi kiện Công ty NN đến TAND thành phố Buôn Ma Thuột yêu cầu Công ty NN trả lại cho Công ty HT 180.000.000 đồng

Tại biên bản thỏa thuận ngày 29/8/2016, giữa Công ty NN và Công ty HT: Công ty NN thừa nhận sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty HT đã thanh toán cho Công ty NN 180.000.000 đồng; trong đó có 80.000.000 đồng mà Công ty NN đã nhận của ông Hoàng Đình Tr- Giám đốc Công ty HT vào ngày 24/5/2012. Hai bên thỏa thuận Công ty NN phải bàn giao cho Công ty HT 10 bộ hồ sơ thiết kế khai hoang theo hợp đồng và trả lại cho Công ty HT 50.000.000 đồng; số tiền 80.000.000 đồng còn lại, hai bên sẽ giải quyết bằng một vụ việc.

Đây là thỏa thuận mới của hai bên về việc xác định lại giá trị của hợp đồng. Theo thỏa thuận mới, thì giá trị công việc mà Công ty NN thực hiện cho Công ty HT là 50.000.000 đồng. Sau khi ký kết thỏa thuận, Công ty NN đã trả lại cho Công ty HT 50.000.000 đồng; số tiền còn lại 80.000.000 đồng, Công ty NN không trả lại cho Công ty HT, cũng không thực hiện công việc nào khác cho Công ty HT là vi phạm thỏa thuận, vi phạm hợp đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc Công ty NN phải trả lại cho Công ty HT 80.000.000 đồng đã nhận và lãi suất chậm trả tiền là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty NN, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Do ông Hoàng Đình Tr - Giám đốc Công ty HT, không thừa nhận chữ viết và chữ ký trên hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000036 ngày 10 tháng 9 năm 2012 là của ông Tr, Công ty NN yêu cầu trưng cầu giám định. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của Công ty NN là có căn cứ; Vì vậy, Công ty HT phải chịu chi phí giám định, được quy định tại Điều 161 BLTTDS.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty NN không được chấp nhận, Công ty NN phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị
Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 518, khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005; Hợp đồng kinh tế số:20/2012/HĐKT ngày 18/10/2014 và biên bản thỏa thuận ngày 29/8/2016, được ký kết giữa Công ty cổ phần Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT; Điều 161 BLTTDS; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT.

1. Buộc Công ty cổ phần NN phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/4/2018) là 9.120.0000 đồng, tổng cộng 89.120.000 đồng.

2. Về chi phí giám định: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại HT phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định; số tiền này được hoàn trả cho Công ty cổ phần Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0003689 ngày 04/5/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột,

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Huân

